

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	THUẾ			
Mã học phần:	71ACCT20052		Số tin chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	241_71ACCT20052_01 đến 241_71ACCT20052_03 TNTL_De 2			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận		Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có		☐ Không	

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 01	Giải thích các nguyên tắc cơ bản của thuế	Tự luận	40%	1,2	3	PI 1.2.A
CLO 02	Vận dụng các văn bản qui phạm pháp luật thuế trong việc xử lý các nghiệp vụ phát sinh	Trắc nghiệm	20%	Câu 1 đến câu 10	3	PI.3.2A
CLO 03	Áp dụng kiến thức thuế để lập kế hoạch thuế phòng ngừa rủi ro tài chính cho đơn vị.	Tự luận	40%	Câu 3	4	PI 4.2A

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 câu + mỗi câu 0.3 điểm)

1. Trường hợp nào sau đây được hoàn thuế nhập khẩu?

- A. Công ty A nhập khẩu 1 lô nguyên liệu để sản xuất.
- B. Công ty A nhập khẩu 1 lô nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu.
- C. Công ty A nhập khẩu 1 lô nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu (theo hợp đồng đã ký kết với phía nước ngoài)
- D. Công ty A nhập khẩu 1 lô nguyên liệu để sản xuất. Sau đó xuất khẩu thành phẩm được sản xuất từ 100% nguyên liệu nhập khẩu

ANSWER: D

2. Nhận xuất khẩu ủy thác 50.000 SP D, giá bán tại cửa khẩu xuất theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương là 60 USD/SP (giá FOB) thuế suất thuế xuất khẩu 1%, tỷ giá hối đoái 23.500 VND/USD, hoa hồng xuất khẩu ủy thác là 2% trên giá bán. Hỏi tiền thuế xuất khẩu phải nộp là:

- A. $50.000 \text{ sp} \times 60 \text{ USD} \times 1\%$
- B. $50.000 \text{ sp} \times 60 \text{ USD} \times 23.500 \text{ VND} \times 1\%$
- C. $50.000 \text{ sp} \times 60 \text{ USD} - (30.000 \text{ sp} \times 40 \text{ USD} \times 2\%) \times 23.500 \text{ VND} \times 1\%$
- D. Tất cả sai

ANSWER: B

3. Công ty thuốc lá Thăng Long trong kỳ sản xuất được 100.000 cây thuốc lá. Sau đó xuất bán cho công ty xuất khẩu (Theo hợp đồng xuất khẩu) 2.000 cây, tiêu thụ trong nước 5.000 cây và khuyến mại cho khách hàng 1.000 cây. Hỏi số lượng hàng hóa tính thuế TTĐB trong tháng của công ty Thăng Long là:

- A. 5.000 cây
- B. 6.000 cây
- C. 7.000 cây
- D. 8.000 cây

ANSWER: B

4. Công ty xuất nhập khẩu Hoàng Hà mua của Công ty Rượu Bình Tây 20.000 chai rượu để xuất khẩu theo hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với nước ngoài, giá mua chưa có thuế GTGT là 50.000 đồng/ chai. Đến hạn xuất khẩu Công ty xuất nhập khẩu Hoàng Hà chỉ xuất khẩu 18.000 chai, còn 2.000 chai không xuất khẩu được Công ty xuất nhập khẩu Hoàng Hà bán trong nước với giá chưa thuế GTGT 70.000 đồng/chai. Thuế suất thuế TTĐB của rượu là 50%. Người nộp thuế TTĐB là:

- A. Công ty Rượu Bình Tây nộp thuế TTĐB khi bán 20.000 chai rượu cho Công ty xuất nhập khẩu Hoàng Hà
- B. Công ty xuất nhập khẩu Hoàng Hà nộp thuế TTĐB khi xuất khẩu 18.000 chai rượu
- C. Công ty xuất nhập khẩu Hoàng Hà nộp thuế TTĐB khi bán trong nước 2.000 chai rượu
- D. Không có công ty nào phải nộp thuế TTĐB

ANSWER: C

5. Doanh nghiệp A bán sản phẩm cho công ty B. Thời điểm doanh nghiệp A xác định doanh thu để tính thuế TNDN là:

- A. Khi nhận được tiền thanh toán từ C.ty B.
- B. Khi nhận được chứng từ nhập kho từ C.ty B.
- C. Khi chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho C.ty B.
- D. Tất cả đều đúng.

ANSWER: C

6. Khoản chi nào sau đây được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN:

- A. Trả tiền thuê cửa hàng.
- B. Chi mua sắm TSCĐ.
- C. Chia cổ tức.
- D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

7. Công ty cổ phần không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN:

- A. Số tiền chi trả nợ gốc tiền vay ngân hàng.
- B. Khấu hao TSCĐ đầu tư bằng tiền vay ngân hàng.
- C. Lương phải trả cho giám đốc.
- D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

8. Vợ ông A sinh con gái vào tháng 2/2022. Tháng 8/2023 ông A làm hồ sơ đăng ký giảm trừ gia cảnh cho con gái. Hỏi ông A được tính giảm trừ gia cảnh cho con gái từ tháng nào trong năm khi tạm nộp thuế TNCN năm 2023?

- A. Tháng 2/2022
- B. Tháng 8/2022
- C. Tháng 1/ 2022
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: B

9. Cá nhân cư trú A có thu nhập tính thuế từ tiền lương tiền công trong tháng 4/2024 là 25,4 triệu đồng, trong đó: tiền đóng góp bảo hiểm bắt buộc 1.1 triệu đồng, ông A đã đăng ký giảm ytruwf gia cảnh cho 2 con và đã được cấp mã số thuế. Hỏi tiền thuế TNCN cá nhân A phải nộp tháng 4/2024 là:

- A. 225.000 đồng
- B. 775.000 đồng
- C. 4.500.000 đồng
- D. Tất cả sai

ANSWER: A

10. Khoản chi trang phục cho người lao động trong công ty được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN

- A. Doanh nghiệp may sẵn và cung cấp cho người lao động trong định mức cho phép.
- B. Chi trực tiếp bằng tiền mặt cho người lao động trong định mức cho phép.
- C. Doanh nghiệp may đồng phục cho người lao động có đầy đủ hóa đơn chứng từ và chi trực tiếp bằng tiền mặt cho người lao động 5 triệu đồng/ 1 người/ 1 năm.
- D. Tất cả đều đúng.

ANSWER: C

PHẦN TỰ LUẬN (tổng số câu hỏi 3 - 7 điểm) SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

Câu 1: Doanh nghiệp quyết định tài trợ toàn bộ kinh phí cho Hội doanh nghiệp trẻ địa phương tổ chức giải bóng đá mini của Hội. Đổi lại, toàn bộ các băng rôn quảng bá chương

trình và tại sân thi đấu phải in tên nhà tài trợ. Tổng số tiền là 200 triệu đồng được trao bằng tiền mặt với đầy đủ thỏa thuận tài trợ và các chứng từ thu tiền của Hội.

♣ **Vấn đề cần xử lý:** Khoản chi này có được trừ khi tính thuế TNDN không? Tại sao?

Câu 2: Khi kiểm tra chi phí tiền lương của DN, cán bộ thuế yêu cầu cho kiểm tra quy chế tuyển dụng nhân viên, quy trình tuyển dụng và các hồ sơ tuyển dụng nhân viên của công ty. Cán bộ kế toán DN cho rằng những hồ sơ này không liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế và thuộc bí mật kinh doanh của DN nên không cung cấp.

♣ **Vấn đề cần xử lý:** Yêu cầu của cán bộ thuế có đúng luật không? Lập luận của kế toán có được chấp nhận không?

Câu 3 bài tập:

DN trồng và chế biến chè Thái Nguyên nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có số liệu trong kỳ tính thuế như sau:

1. Xuất bán 15 tấn chè đã sơ chế khô cho nhà máy chế biến chè, giá bán chưa thuế GTGT 20.000.000 đồng/ tấn
2. Xuất bán trong nước 5 tấn chè đã chế biến, giá bán chưa thuế GTGT 40.000 đồng/ kg
3. Ủy thác cho công ty XNK A xuất khẩu 30.000 hộp chè, giá bán tại cửa khẩu xuất 5.000 đồng/hộp. Hoa hồng ủy thác đã thanh toán chưa có thuế GTGT 3% trên giá trị lô hàng xuất khẩu
4. Xuất kho giao hàng cho đại lý bán đúng giá 10.000 hộp chè, giá giao chưa thuế GTGT 8.000đồng/hộp, đại lý báo về đã bán được 7,000 hộp chè. Hoa hồng trả cho đại lý là 5% giá giao.

Biết rằng:

- Thuế suất thuế GTGT đối với chè sơ chế 5%, chè chế biến 10%
- Thuế GTGT của hàng hóa, vật tư mua ngoài khác dùng cho hoạt động sản xuất chế biến chè trong kỳ là 10.000.000 đồng. Doanh nghiệp không hạch toán riêng được số thuế đầu vào được khấu trừ cho từng loại sản phẩm
- Hàng hóa xuất khẩu đủ điều kiện được khấu trừ thuế.

Yêu cầu: Xác định thuế giá trị gia tăng phải nộp trong từng trường hợp sau:

Trường hợp 1: Xác định thuế GTGT doanh nghiệp Thái Nguyên phải nộp trong kỳ.

Trường hợp 2: Giả sử hàng ủy thác XK không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Xác định lại số thuế GTGT doanh nghiệp Thái Nguyên phải nộp trong kỳ.

Trường hợp 3: Giả sử chè sơ chế khô XK đủ hồ sơ theo quy định. Xác định lại thuế GTGT doanh nghiệp Thái Nguyên phải nộp trong kỳ.

Trường hợp 4: Giả sử số chè hộp ủy thác XK 20.000 hộp, số còn lại 5.000 hộp dùng để khuyến mại cho khách hàng theo quy định của pháp luật thương mại: 3.000 hộp sử dụng cho hội nghị khách hàng của doanh nghiệp và 2.000 hộp làm quà tết cho nhân viên của doanh nghiệp. Xác định loại thuế GTGT doanh nghiệp Thái Nguyên phải nộp trong kỳ.

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		3.0	
Câu 1 – 10		0.3	

I. Tự luận			
Câu 1		1.5	
Nội dung a.	Trả lời được khoản chi này không được trừ khi tính thuế TNDN	0.5	
Nội dung b.	+ Giải thích đúng	1.0	
Câu 2		1.5	
Nội dung a.	Trả lời được yêu cầu của cán bộ thuế có đúng luật không hay không đúng luật	0.5	
Nội dung b.	+ Giải thích đúng	1.0	
Câu 3		4.0	
	Trường hợp 1: Thuế GTGT phải nộp 19.119.291 đồng	1.0	
	Trường hợp 2: Thuế GTGT phải nộp 21.243.938 đồng	1.0	
	Trường hợp 3: Thuế GTGT phải nộp 14.870.000 đồng	1.0	
	Trường hợp 3: Thuế GTGT phải nộp 20.824.036 đồng	1.0	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

TS. Đào Tuyết Lan